

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2022

V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng;

Ông Đỗ Văn Cạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị C; sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm M, xã G1, huyện G, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Xóm Th, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Tr; sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm M, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị C trình bày:

Chị và anh Trần Văn Tr tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13- 7- 2001. Sau ngày cưới, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr nghiện ma túy, thường xuyên đánh chửi vợ con, mặc dù chị đã

nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Tr không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Tr.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị D; sinh ngày 10- 3- 2003 và Trần Đình T; sinh ngày 31- 10- 2005. Hiện nay, cháu Trần Thị D đã trưởng thành, còn cháu Trần Đình T ly hôn chị nhận nuôi, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 4 năm 2022, cháu Trần Đình T bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Tr: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr nhưng anh Tr không trình bày quan điểm và không đến Tòa án để làm việc.

Kết quả thu thập chứng cứ tại xã G1, huyện G, tỉnh N: Chị Mai Thị C và anh Trần Văn Tr được Ủy ban nhân dân xã G1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13- 7- 2001. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết được vì cả hai đều là lao động tự do đi làm ăn xa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị D; sinh ngày 10- 3- 2003 và Trần Đình T; sinh ngày 31- 10- 2005; hiện nay cháu D đã trưởng thành còn cháu T nếu Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị nên giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vợ chồng không liên quan gì về tài sản, công nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị C. Về con chung, giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Đình T; sinh ngày 31- 10- 2005. Chị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn Tr được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị C và anh Trần Văn Tr tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã G1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến hạnh phúc gia đình đổ vỡ là do anh Tr nghiện ma túy; vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá

trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr, nhưng anh Tr không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, anh Tr không còn tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh Tr đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Mai Thị C xin ly hôn anh Trần Văn Tr là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị D; sinh ngày 10- 3- 2003 và Trần Đình T; sinh ngày 31- 10- 2005. Đến nay con chung là Trần Thị D đã thành niên nên không phải xem xét đến việc cấp dưỡng. Còn đối với cháu Trần Đình T: Xét nguyện vọng của chị C, của cháu T, ý kiến của địa phương xã G1, nay giao cháu Trần Đình T cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Mai Thị C và anh Trần Văn Tr.

2. Về con chung: Giao chị Mai Thị C tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Trần Đình T; sinh ngày 31- 10- 2005 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị C phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) chị C đã nộp theo biên lai thu số 0000108 ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị C và anh Trần Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

